

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/KDTM-ST
Ngày: 25-9-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

Ông Huỳnh Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Anh Thảo là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm Sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2024/TLST-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2025/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng S; Địa chỉ trụ sở: Số 33 Ngô Thị N, phường Phạm Đình H, Quận Hai Bà T, thành phố H (Nay là số 33 Ngô Thị N, phường Cửa N, thành phố H).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 33, Ngô Thị N, phường Phạm Đình H, Quận Hai Bà T, thành phố H (Nay là số 33 Ngô Thị N, phường Cửa N, thành phố H). (Ông T có mặt tại phiên tòa).

*** Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng V; Địa chỉ trụ sở: Số 134-136 Mạc Đình C, phường 9, thành phố S, tỉnh S (Nay là số 134-136 Mạc Đình C, phường Phú L, thành phố C).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Viết N - Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc. Địa chỉ liên hệ: H3-13, Lô số 20, khu dân cư Phú A, phường Phú T, Quận Cái R, thành phố C (Nay là H3-13, Lô số 20, khu dân cư Phú A, phường Hưng P, thành phố C) (Ông N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khách sạn du lịch vận tải L; Địa chỉ trụ sở: H3-13, Lô số 20, khu dân cư Phú A, phường Phú T, quận Cái R, thành phố C (Nay là H3-13, Lô số 20, khu dân cư Phú A, phường Hưng P, thành phố C).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T - Phó Giám đốc. Địa chỉ: H3-13, Lô số 20, khu dân cư Phú A, phường Phú T, quận Cái R, thành phố (Nay là H3-13, Lô số 20, khu dân cư Phú A, phường Hưng P, thành phố C) (Ông T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 11 tháng 12 năm 2024 của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng S (Viết tắt là Công ty S) và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Quốc T trình bày:

Căn cứ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng 504/2019/HDHM-PN/SHB. 131300 ngày 04/7/2019, theo đó Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (Viết tắt là Ngân hàng SHB) cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng V (Viết tắt là Công ty V) hạn mức tín dụng là 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng) để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh vật liệu xây dựng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, từ ngày 04/7/2019 đến ngày 04/7/2020, thời hạn của khoản vay không quá 06 tháng, thời hạn cụ thể và lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn không được quá 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Ngày 04/7/2019, Ngân hàng SHB đã giải ngân cho Công ty V số tiền là 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng) theo khế ước nhận nợ số 01-504/2019/HDHM-PN/SHB.131300, thời hạn vay là 06 tháng (Từ ngày 04/7/2019 đến ngày 04/01/2020), lãi suất 10,6% trong vòng 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo tối thiểu bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi cao nhất khách hàng cá nhân của Ngân hàng SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) Biên độ cho vay là 4,2%/năm. Số tiền 12.000.000.000 đồng được chuyển khoản cho người thụ hưởng là Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Đồng Thắng (số tài khoản 1009821250 – SHB Sóc Trăng). Lịch trả nợ gốc: Cuối kỳ. Lịch trả nợ lãi: Vào ngày 25 hàng tháng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khách sạn du lịch vận tải L (Viết tắt là công ty L) do ông Trần Minh T, đại diện theo pháp luật của Công ty ký các hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải (có danh sách kèm theo) là 7 chiếc xe ô tô để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty V với Ngân hàng SHB trong trường hợp Công ty V không thực hiện được nghĩa vụ.

Ngày 30/9/2021, Ngân hàng SHB ký với Công ty S hợp đồng mua bán nợ số 3009.08/2021/HĐMBN/SHB-SL. Theo đó Ngân hàng SHB đã bán khoản nợ nói trên cho Công ty S và Công ty được thế quyền của Ngân hàng SHB đối với hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên. Vì vậy, Công ty V và

bên thế chấp là Công ty L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng.

Nếu Công ty V không trả hoặc trả không đủ các khoản nợ, lãi và phí nêu trong đơn khởi kiện, Công ty S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải gồm Hợp đồng thế chấp số 505/2019/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 04/7/2019, Hợp đồng thế chấp số 504/2019/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 04/7/2019 (kèm 02 Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số PL01 và số PL02), Hợp đồng số 31/2020/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 15/01/2020 để thu hồi nợ gốc, lãi, tiền phạt chậm trả lãi và phí.

Công ty S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty V thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi và phí theo hợp đồng, hạn mức tín dụng số 504/2019/HDHM-PN/SHB.131300 ngày 04/7/2019, cụ thể: Tiền nợ gốc là 12.000.000.000 đồng (mười hai tỷ đồng), tiền lãi trong hạn là 276.999.134 đồng, lãi quá hạn là 12.120.218.719 đồng, phạt chậm trả lãi và phí là 93.983.726 đồng. Tổng cộng 24.491.201.579 đồng.

Trường hợp Công ty V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ gốc, lãi, tiền phạt chậm trả lãi và phí nói trên thì yêu cầu Tòa án tuyên Công ty S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mãi 07 (bảy) chiếc xe ô tô đã thế chấp.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp không trả đủ tiền nợ gốc, lãi, tiền phạt chậm trả lãi và phí phát sinh thì Công ty V vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ gốc, lãi và lãi phát sinh đó.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty V là ông Đoàn Viết N vắng mặt nên không có lời trình bày tại Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty L là ông Trần Minh T trình bày:

Hiện nay, Công ty V đã chấm dứt hoạt động, không có khả năng trả nợ cho nguyên đơn. Nay Công ty L thống nhất sẽ đứng ra trả nợ thay cho Công ty V. Công ty L cam kết sẽ trả nợ gốc thành 85 kỳ, mỗi kỳ trả 140.000.000 đồng, trả vào ngày 30 dương lịch hàng tháng, kỳ trả đầu tiên là ngày 30/11/2025, kỳ trả cuối cùng là ngày 30/12/2032 trả 240.000.000 đồng. Sau khi trả hết nợ gốc, ngày 30/01/2033 Công ty L sẽ trả tiền lãi (tính đến ngày 30/7/2025) là 12.159.788.816 đồng và trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/7/2025 trở đi.

Do người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Đoàn Viết N vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và phía đại diện nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

- Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng đại diện bị đơn đã không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn Công ty S khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty V, có trụ sở tại phường Phú L, thành phố C thanh toán số tiền gốc và lãi vay còn nợ là 24.491.201.579 đồng. Theo hợp đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng. Xét thấy, Công ty S và Công ty V đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty V là ông Đoàn Viết N và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty L là ông Trần Minh Tạo vắng mặt nhưng cả hai ông đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Cũng tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Quốc T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi chậm trả lãi là 93.983.726 đồng mà yêu cầu bị đơn trả số tiền là 24.397.217.853 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này.

Về nội dung vụ án:

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S về việc yêu cầu Công ty V trả số tiền gốc và lãi là 24.397.217.853 đồng, thấy rằng:

[4.1]. Công ty S đã mua lại khoản nợ của Công ty V từ Ngân hàng SHB theo hợp đồng mua, bán nợ số 3009.08/2021/HĐMBN/SHB-SL ngày 30/9/2021. Việc mua bán nợ được lập thành văn bản, các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận, các điều khoản trong nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, Công ty S được quyền yêu cầu Công ty V thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng và được quyền yêu cầu xử lý tài sản

thể chấp theo hợp đồng thể chấp đã ký kết.

[4.2]. Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 504/2019/HDHM-PN/SHB.131300 ngày 04/7/2019 và Khế ước nhận nợ số 01-504/2019/HDHM-PN/SHB.131300 ngày 04/7/2019 thể hiện Ngân hàng SHB đã giải ngân số tiền 12.000.000.000 đồng cho Công ty V vào ngày 04/7/2019 với thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 10,6%/năm áp dụng trong 03 tháng đầu và sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

[4.3]. Xét về tính hợp pháp của hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 504/2019/HDHM-PN/SHB.131300 ngày 04/7/2019 và Khế ước nhận nợ số 01-504/2019/HDHM-PN/SHB.131300 ngày 04/7/2019: Ngân hàng SHB ủy quyền cho Ngân hàng SHB - Chi nhánh Sóc Trăng giao kết hợp đồng với Công ty V thông qua người đại diện hợp pháp của các bên. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng là hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng.

[4.4]. Ngân hàng SHB đã giải ngân cho Công ty V nhận đủ số tiền gốc là 12.000.000.000 đồng. Hợp đồng có thời hạn 06 tháng (Từ ngày 04/7/2019 đến ngày 04/01/2020). Nhưng từ khi vay cho đến nay thì Công ty V chỉ chưa trả được nợ gốc, chỉ đóng lãi được 408.495.458 đồng. Đến ngày 25/9/2025, Công ty V còn nợ lại số tiền vốn gốc là 12.000.000.000 đồng. Do đó, Công ty S yêu cầu Công ty V thanh toán toàn bộ số vốn gốc còn nợ là 12.000.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.5]. Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn:

Theo Điều 2 của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết và khế ước nhận nợ, thì lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể theo khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân (Khế ước nhận nợ quy định lãi suất là 10,6%/năm) áp dụng trong 03 tháng đầu ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; lãi suất chậm trả lãi không vượt quá 10%/năm; Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Sau khi vay, Công ty V chưa trả được gốc và cũng chưa trả đủ lãi vay, đã vi phạm nghĩa vụ. Hiện nay, Công ty V còn nợ lại số tiền 24.397.217.853 đồng (Trong đó vốn gốc: 12.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 276.999.134 đồng; Lãi quá hạn: 12.120.218.719 đồng). Đến nay, Hợp đồng đã quá hạn thanh toán. Do đó, Ngân hàng SHB đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn là phù hợp với quy định tại mục 1.5.3 Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và số tiền lãi còn nợ nêu trên nguyên đơn đã

tính đúng nên nguyên đơn yêu cầu Công ty V phải trả lãi đến ngày 25/9/2025 với số tiền 12.397.217.853 đồng (gồm lãi trong hạn: gồm lãi trong hạn: 276.999.134 đồng; Lãi quá hạn: 12.120.218.719 đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi mà bị đơn Công ty V có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty S là 24.397.217.853 đồng (Hai mươi bốn tỉ, ba trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm mười bảy nghìn, tám trăm năm mươi ba đồng).

[4.6]. Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 cho đến khi Công ty V trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về tài sản thế chấp:

[5.1]. Công ty L đã dùng tài sản của Công ty để đảm bảo cho khoản vay của Công ty V. Các tài sản này bao gồm:

+ Xe ô tô khách, nhãn hiệu Ford, màu trắng đỏ, biển số đăng ký 65B-01149, số máy RATORQ4D243H, số khung TGMCGSR51831, số chỗ ngồi 10, dung tích 2402.

+ Xe ô tô khách, nhãn hiệu Hyundai, màu đỏ trắng, biển số đăng ký 51B-289.21, số máy 38E4JC009167, số khung 88APKB000012, số chỗ ngồi 47, dung tích 12742.

+ Xe ô tô khách, nhãn hiệu Hyundai, màu đỏ trắng, biển số đăng ký 51B-288.10, số máy 38E4JC009171, số khung 88APKB00007, số chỗ ngồi 47, dung tích 12742.

+ Xe ô tô khách, nhãn hiệu Tracomeco, màu đỏ trắng, biển số đăng ký 51B-501.71, số máy 38E4KC009925, số khung 78CKKT007020, số chỗ ngồi 47, dung tích 12742.

+ Xe ô tô khách, nhãn hiệu Tracomeco, màu đỏ trắng, biển số đăng ký 51B-501.81, số máy 38E4KC009917, số khung 78CKKT007024, số chỗ ngồi 47, dung tích 12742.

+ Xe ô tô khách, nhãn hiệu Tracomeco, màu đỏ trắng, biển số đăng ký 51B-501.90, số máy 38E4KC009773, số khung 78CKKT007018, số chỗ ngồi 47, dung tích 12742.

+ Xe ô tô khách, nhãn hiệu Tracomeco, màu đỏ trắng, biển số đăng ký 51B-501.66, số máy 38E4KC009919, số khung 78CKKT007026, số chỗ ngồi 47, dung tích 12742.

[5.2]. Xét Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 505/2019/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 04/7/2019; Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 504/2019/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 04/7/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số PL01-504/2019/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 04/7/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số PL02-504/2019/HĐTC-

BTB/SHB.131300 ngày 15/01/2020; Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 31/2020/HĐTC-BTB/SHB.131300 ngày 15/01/2020. Hội đồng xét xử thấy rằng: về chủ thể ký kết hợp đồng, hình thức hợp đồng, nội dung hợp đồng phù hợp quy định pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Như đã phân tích ở trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào Điều 157 và Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn Công ty V phải chịu số tiền là 1.290.000 đồng. Do nguyên đơn Công ty S đã nộp chi phí này xong nên buộc bị đơn Công ty V phải trả lại chi phí này cho nguyên đơn Công ty S.

[8]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

- Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 365, 368 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng S.

1.1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng V trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng S tổng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 25/9/2025 là 24.397.217.853 đồng (Hai mươi bốn tỉ, ba trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm mười bảy nghìn, tám trăm năm mươi ba đồng) (Trong đó tiền gốc: 12.000.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 276.999.134 đồng; Lãi quá hạn: 12.120.218.719 đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, phụ lục hợp đồng và khế ước nhận nợ cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

1.3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng S có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi toàn bộ số tiền còn nợ, gồm:

- + Xe ô tô khách, nhãn hiệu Ford, màu trắng đỏ, biển số đăng ký 65B-01149, số máy RATORQ4D243H, số khung TGMCGSR51831, số chỗ ngồi 10, dung tích 2402.

- + Xe ô tô khách, nhãn hiệu Hyundai, màu đỏ trắng, biển số đăng ký 51B-289.21, số máy 38E4JC009167, số khung 88APKB000012, số chỗ ngồi 47, dung tích 12742.

- + Xe ô tô khách, nhãn hiệu Hyundai, màu đỏ trắng, biển số đăng ký 51B-288.10, số máy 38E4JC009171, số khung 88APKB00007, số chỗ ngồi 47, dung tích 12742.

- + Xe ô tô khách, nhãn hiệu Tracomeco, màu đỏ trắng, biển số đăng ký 51B-501.71, số máy 38E4KC009925, số khung 78CKKT007020, số chỗ ngồi 47, dung tích 12742.

- + Xe ô tô khách, nhãn hiệu Tracomeco, màu đỏ trắng, biển số đăng ký 51B-501.81, số máy 38E4KC009917, số khung 78CKKT007024, số chỗ ngồi 47, dung tích 12742.

- + Xe ô tô khách, nhãn hiệu Tracomeco, màu đỏ trắng, biển số đăng ký 51B-501.90, số máy 38E4KC009773, số khung 78CKKT007018, số chỗ ngồi 47, dung tích 12742.

- + Xe ô tô khách, nhãn hiệu Tracomeco, màu đỏ trắng, biển số đăng ký 51B-501.66, số máy 38E4KC009919, số khung 78CKKT007026, số chỗ ngồi 47, dung tích 12742.

2. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng S yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khách sạn du lịch vận tải L có trách nhiệm giao 07 chiếc xe ô tô nêu trên có Biển

số đăng ký xe như sau: 65B-01149, 51B-289.21, 51B-288.10, 51B-501.71, 51B-501.81, 51B-501.90 và 51B-501.66 cho Cơ quan thi hành án có thẩm quyền để xử lý thu hồi nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng S.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 132.397.218 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm mười tám đồng).

- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 65.408.347 đồng (Sáu mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008728 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Phòng Thi hành dân sự khu vực 5 – Cần Thơ).

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn Công ty TNHH đầu tư và xây dựng V phải chịu số tiền là 1.290.000 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng). Do nguyên đơn Công ty S đã nộp chi phí này xong nên buộc bị đơn Công ty TNHH đầu tư và xây dựng V phải trả lại chi phí này cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và xây dựng S.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 5 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Giáp Long

Nguyễn Bạch Nhạn

Lâm Thị Kim Hằng

